

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam  
Tại: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange  
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Inve.

- Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF KIM GROWTH VN30/ KIM GROWTH VN30 ETF  
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUEKIV30  
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/  
Fund Management company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.  
- Tên Ngân hàng giám sát/ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/  
Supervisory Bank: Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam  
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 02/06/2023  
- Đơn vị tính lô ETF/ Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/  
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2023  
Ho Chi Minh City, June 05, 2023

**ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
<b>I. Chứng khoán/ Securities</b>			
1	ACB	2,100	6.42%
2	BCM	100	1.11%
3	BID	100	0.63%
4	BVH	100	0.62%
5	CTG	500	2.00%
6	FPT	600	7.15%
7	GAS	100	1.31%
8	GVR	100	0.27%
9	HDB	1,200	3.19%
10	HPG	2,100	6.42%
11	MBB	1,600	4.29%
12	MSN	400	4.10%
13	MWG	700	3.93%
14	NVL	600	1.19%
15	PDR	200	0.43%
16	PLX	100	0.53%
17	POW	400	0.78%
18	SAB	100	2.26%
19	SSI	600	2.01%
20	STB	1,200	4.80%
21	TCB	1,400	6.06%
22	TPB	600	2.24%
23	VCB	300	4.02%
24	VHM	700	5.30%
25	VIB	700	2.15%
26	VIC	800	5.94%
27	VJC	200	2.78%
28	VNM	600	5.66%
29	VPB	3,200	8.86%
30	VRE	600	2.30%
<b>II. Tiền/ Cash</b>			
	Tiền/ Cash (VND)	8,730,489	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: (VND)

691,620,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: (VND)

700,350,489

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: (VND)

8,730,489

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại  
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

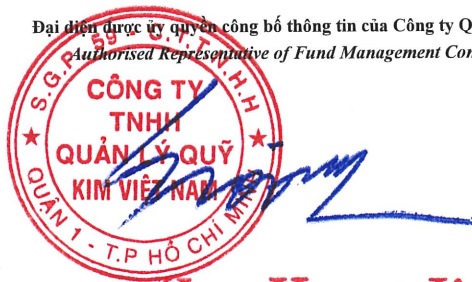


Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ In case stock can be replaced by cash:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	21,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	43,900	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	BVH	43,650	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	FPT	83,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
5	HDB	18,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	MBB	18,800	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	MWG	39,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
8	SSI	23,450	SSI	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
9	TCB	30,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	26,150	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
11	VIB	21,550	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
12	VPB	19,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
	<b>Chỉ tiêu/ Criteria</b>	<b>Kỳ này/ This period (*)</b>	<b>Kỳ trước/ Last period (**)</b>	<b>Chênh lệch/ Difference</b>
		<b>02/06/2023</b>	<b>01/06/2023</b>	
1.	Số lô đã phát hành thêm/ Creation units issued			-
2.	Số lô đã mua lại/ Creation units redeemed			-
3.	Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	44,000,000	44,000,000	-
4.	Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ Closing price	7,140.00	7,000.00	140.00
5.	Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
	của quỹ ETF/ of the Fund	308,154,215,250	306,801,634,765	1,352,580,485
	của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	700,350,489	697,276,442	3,074,047
	của 1 CCQ/ per Share	7,003.50	6,972.76	30.74
6.	Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,086.96	1,068.09	18.87

(\*) Chi tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 01/06/2023 / Item 5 is net asset value at 01/06/2023  
 (\*\*) Chi tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 31/05/2023 / Item 5 is net asset value at 31/05/2023

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ  
 Authorised Representative of Fund Management Company



**Yun Hang Jin**  
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

